

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2017

*“V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ; bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017 về việc *“tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2017, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh ngày 10/10/1981.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Ma Cao – Trung Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn A, sinh ngày 12/10/1960.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 29/01/1974.

Địa chỉ: Phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thì: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 20/7/2001 tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chung sống hạnh phúc. Vì kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thống nhất để chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 03/2003. Đến tháng 9/2005, chị L về Việt Nam thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm kinh tế, không hòa hợp về tính cách. Cuối

năm 2008, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh B có những lời lẽ, hành vi xúc phạm nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ lúc chị L bỏ nhà đi cho đến nay, vợ chồng không liên lạc và quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 11/01/1998 và cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 07/6/2002. Cháu M đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết; cháu C chưa thành niên có nguyện vọng ở với anh B, chị nhất trí và có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Do không có điều kiện về Việt Nam, chị L xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Phạm Văn A (là anh trai) thay chị giao nộp và nhận các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và quyết định các vấn đề liên quan đến con chung và tài sản.

- Theo bản tự khai, anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, anh nhất trí như chị L trình bày về điều kiện và hoàn cảnh khi kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 3/2003, vợ chồng thống nhất để chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến tháng 9/2005, chị L bị trục xuất về nước do trốn ra ngoài làm ăn bất hợp pháp. Về được một năm thì chị L lại đòi đi lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng phải lo tiền cho chị L học tiếng. Tuy nhiên, khi học tiếng xong, chị L lại không đi sang Hàn Quốc được. Kinh tế gia đình lại càng khó khăn khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cuối năm 2008, chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ đó cho đến nay. Việc chị L hiện đang lao động tại Ma Cao, tôi không biết. Vì từ lúc chị L bỏ nhà đi, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh nhất trí như chị L khai, anh chị có hai con chung. Cháu M đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết. Cháu C hiện đang ở cùng anh; anh đồng ý quan điểm chị L và nguyện vọng của cháu C, anh trực tiếp nuôi dưỡng và chị L cấp dưỡng mức 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nhất trí không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn, Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông A và anh B có nêu giữ nguyên toàn bộ lời khai đã trình bày tại Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (Viết tắt: VKSND) tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư

ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS). Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị L ly hôn anh B; giao cháu Nguyễn Văn C cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Đề nghị giải quyết về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của Viện kiểm sát, các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án là chị Phạm Thị L hiện đang sinh sống tại Ma Cao, Trung Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 BLTTDS. Chị L, ông A, anh B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS, HĐXX, xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/7/2001 tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố H, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận và có hai con chung. Xuất phát từ kinh tế khó khăn nên anh chị đã có hướng để chị xuất khẩu lao động cải thiện kinh tế gia đình. Tuy nhiên cũng xuất phát từ đó mà anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Do mâu thuẫn, chị đã về nhà mẹ đẻ và anh chị sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L và anh B, tạo điều kiện cho hai người sớm ổn định cuộc sống .

- *Về con chung:* Cháu Nguyễn Thị M đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng, HĐXX không xét theo đề nghị của anh chị. Cháu Nguyễn Văn C sinh ngày 07/6/2002 hiện đang được anh B chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu C được tiếp tục ở với anh B phù hợp với trình bày của chị L và anh B. Nên giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu 2.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định; ngoài ra chị L còn chịu án phí cấp dưỡng

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn B.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn C, sinh ngày 07/6/2002 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 12/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002324 ngày 13/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, còn phải thi hành tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường